

Chữ Nghĩa Làng Văn

Ngộ Không Phi Ngọc Hùng.

“Chữ nghĩa làng văn” đôi khi chỉ là một chữ, cụm từ, đoạn văn cô đọng, diễn nghĩa, diễn giải một áng thơ văn hoặc một thể tài nào đó. Những trích dẫn được gộp nhặt qua sách vở, trên mạng lưới của nhiều tác giả thành danh hay khuyết danh, không ngoài góc nhìn tận tín thư bất như vô thư. Ấy là chưa kể nhiều từ ngữ, đề mục trong bộ sưu tập đang còn trong vòng nghi vấn, cần phải thẩm định lại nếu có thể được với những bậc thức giả văn kiến súc tích. Những phụ chú, dẫn chứng hay giai thoại do người viết kể lại, với chủ quan, khách quan chỉ cách nhau một sợi tóc. Vì vậy người sưu tầm không đặt ra “sai” hay “đúng”, vì cái sai hiện tại có thể là cái đúng ở một thời điểm nào khác. Xin chân thành cảm tạ và cáo lỗi những tác giả đã đóng góp bài vở trong sưu tập này, nhưng vì phương tiện eo hẹp nên người sưu tầm không thể thỉnh ý tác giả trước khi đăng tải

Ngộ Không Phi Ngọc Hùng.

Chữ nghĩa làng văn

Năm tôi (Nguyễn Dữ) học lớp nhất trường tiểu học Thạnh Mỹ Tây (Thị Nghè, 1954) gặp mấy chuyện nửa cười nửa mỉa. Và xin bắt đầu lại câu chuyện, mỗi tuần phải viết một bài chánh tả. Viết xong, cả lớp đổi tập cho nhau. Cô giáo đọc lại, giảng nghĩa, chỉ cách viết các chữ khó. Cả lớp dò theo, sửa lỗi cho nhau. Bạn bè đưa nào cũng khoái bắt lỗi thẳng ngòi bên cạnh. Đưa nào cũng chăm chú sửa cho bạn, không bỏ sót một cái dấu phết. Sửa bài như vậy vừa nhanh, vừa kĩ, lại vừa đỡ mệt cho cô.

Có lần tôi bị một lỗi vì một cái lá, mà đây chỉ là cái lá chuối "nôn".

Cô giáo nhấn mạnh chữ "nôn" dấu hỏi. Tôi giơ tay xin nói. Cô hát hàm cho phép. "Thưa cô, nôn dấu ngã chớ không phải dấu hỏi". Cô giáo lắc đầu: "Dấu hỏi chớ không phải... dấu ngã". "Dạ, nôn dấu ngã". "Cãi bậy".

Cô đập thước kẻ xuống bàn: "Lên đây coi" Tôi bắt đắc dĩ phải lên chỗ cô đứng. Cô cầm thước chỉ vào trang sách "Sách viết dấu hỏi nè, thấy chưa?".

Tôi bắt đầu run. "Dạ thấy". Trong bụng muốn nói thêm "Thấy cả mẹ em rồi, cô ơi". *Nói có sách, mách có chứng* đàng hoàng, đâu phải chuyện giỡn. Cãi nữa thì ăn đòn. Em chịu thua cô.

Mấy năm sau mới được học câu *Tận tín thư bất như vô thư*. Thẩm thía nhưng hơi muộn. Chỉ tiếc cho cái lá chuối "nôn", già héo mất rồi.

(Nguyễn Dữ – Chimviet.free.fr)

Tía

Trong ngôn ngữ Trung-hoa, có tiếng Tía của Quan thoại, mà Tía là Đệ tức em trai. Thổ ngữ Triều châu có tiếng Tía tức đại danh từ Pá đó, nhưng danh từ cha của ta là danh từ chớ không phải đại danh từ, vả lại Tía cũng khó lòng biến thành Cha, và người Triều-châu chỉ leo heo có mấy huyện ở bên Tàu thì nếu phải vay mượn, ta không vay mượn của đám thiểu số ấy đâu.

Năm 1658, có nhóm lưu vong nhà Minh sang Nam-kỳ, gồm rất đông Triều-châu, nên người miền Nam quả có mượn đại danh từ Tía của Triều-châu thật đó, khi con xưng hô với cha, nhưng toàn quốc thì không hề có vay mượn ngôn ngữ của nhóm ấy.

Pà, Pá, Ba, Bó, Tía gì cũng để dùng xưng hô, thí dụ: "Ba ơi, cho con đi chơi" hoặc: "Tía ơi, con đói bụng" chớ không ai lại nói: "Gia đình gồm ông, bà, ba, mẹ, và các con."

Đại danh từ Bó đã hơi được biến thành danh từ thật đó, người ta nói: "Bố anh Nam rất già." Nhưng chưa biến hẳn, chẳng hạn không thể nói: "Chém bố cái kiếp ba đào" hay có thể nói, nhưng chỉ nói đùa, hoặc nói một cách thân mật mà thôi.

(Bình Nguyên lộc - Dân Lạc Việt qua ngôn ngữ Việt Nam)

Bàn đọc

Bàn đọc: bàn thờ

(Tự điển tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

Địa danh miền Trung trong văn học sử: Xứ Bình Định

Đời nhà Tần, đời nhà Hán là huyện Tượng Lâm thuộc quận Nhật Nam. Năm 803, nhà Đường bỏ đất này. Bình Định xưa là đất thuộc Việt Thường, sau đó người Chăm đã tới chiếm lĩnh vùng đất này và được đổi là Đồ Bàn. Đời nhà Lê, năm 1602, chúa Nguyễn Hoàng cho đổi phủ Hoài Nhơn thành phủ *Quy Nhơn* thuộc dinh *Quảng Nam*. Từ 1773 đến 1797, nhà Tây Sơn chiếm cứ đất này, sau khi lấy lại đất này Nguyễn Ánh đổi tên đất này là dinh Bình Định. Năm 1814, vua Gia Long cho xây dựng lại thành Bình Định mới, ngày nay ở thị trấn Bình Định, nằm về phía đông nam và cách thành cũ khoảng 5 km ở phía gần sông Côn.

(...)

Năm 1888 đặt Kon Tum thuộc về Bình Định. Năm 1905, Toàn quyền Đông Dương ra nghị định thành lập Pleikou Derr (Pleiku) thuộc tỉnh Bình Định.

Giai thoại

Giai thoại là những chuyện đẹp.

Giai là đẹp, như trong hai chữ giai nhân, giai phẩm.

(Giai thoại và sự thật – Viên Linh)

Tiếng Huế, tiếng Chăm II

Tác giả xin ghi lại liên hệ tiếng Huế - tiếng Chăm. Nhớ chi ghi nấy, từ những ngày xa xưa hồi giỗ (nhỏ) còn ở Huế. Thời đó bà con mình có khi giận Huế tại rằng mà ác tăng ác thợ, ác nhân ác nghiệt như ri! Buồn sự đời nhiều nỗi đa đoan, buồn Huế rồi bằng hăng bó hớ, gọi Huế là nơi ô châu ác địa!

Những câu ca dao tục ngữ văng vẳng bên tai, nhiều câu vọng lại tiếng Huế, tiếng Chăm, một thời Ô Châu linh địa ôn mệ mình để lại ngoài nớ:

*Chim xa rừng thương cây nhớ **cội***

Người xa người tội lắm người ơi!

Cội gốc tiếng Chăm là cái chắc! Mình đọc cội, đồng bào gốc Chăm nói “a-kôi” có nghĩa là nguồn cội, gốc rễ.

*Hỏi anh có chỗ **mô** chưa*

Hay còn như ngọn đèn... treo trước gió, đu đưa rứa hoài.

Chỗ **mô** chưa! Vẫn còn đây, vẫn chưa chộ thấy chỗ **mô** ngó được! Chộ với chỗ, đi **mô** rứa, không răng **mô**! Người Lào, người Thái nói “**mô** tê” như đồng bào gốc Chăm như bà con mình từ miệt ngoài vô miệt trong, xứ Thuận-xứ Quảng.

*Tay **bưng** rỏ khế qua cầu*

*Hỏi thăm **o** nớ bán trầu chợ **mô**.*

Bưng (Chàm: bưng) như bưng cơm, bưng nước, tay bưng miệng cười. Mang rỏ, bưng rỏ có rất nhiều đồng nghĩa, kể cho hết sợ e o bán trầu chờ lâu o buồn, o về mét mạ, mạ la (Chàm: mla-h) chết!

O (Chàm: o) trong câu ca dao chỉ chung phái yếu còn cấp sách đi học cho đến khi có gia thất hay không, vẫn còn o! O, động từ, nghĩa khác là o mèo là tìm cách quen biết, tán tỉnh bạn gái...

(Nguyễn Hương - Bên lề 700 năm Thuận Hóa - Phú Xuân - Huế)

Chữ nghĩa với cây...

Hỏi : Cây được mọi người dùng sau khi ăn... là cây gì? (cây Tăm)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ lỗ

*Hôm qua ngại ngừng đến thăm em
Thấy em đang đá chạy ra xem
Em tôi mắc cỡ buông quần xuống
Làm cho anh đứng ngẩn ngơ thèm*

Hai tiếng "Bình Định" có nghĩa gì?!

Vua Lê Thánh Tôn chiếm được kinh đô Đò Bàn và đặt tên là phủ Hoài Nhơn, phủ lỵ đóng tại thành Đò Bàn cũ. Tiếp đến là chúa Nguyễn Hoàng, những người Việt nam từ các tỉnh phía Bắc bị bắt, bị đày hay theo chân chúa Nguyễn đã lần lần vào đây lập nghiệp và biến đổi vùng đất này thành quê hương của mình. Cái tên phủ Hoài Nhơn được Nguyễn Hoàng đổi ra Qui Nhơn.

Sách Lê Quý dật sử chép rằng: Nguyễn Nhạc chiếm đất của chúa Nguyễn. Năm 1778 Nguyễn Nhạc cho đổi tên là thành Hoàng Đế và sau đó là kinh đô của Hoàng đế Nguyễn Nhạc.

Nguyễn Ánh đã chiếm được thành Qui Nhơn rồi đổi tên Qui nhơn ra Bình Định. Sự đổi tên này mang một ý nghĩa đã thắng nhà Tây Sơn và nay chúa Nguyễn đã "bình định" được. (...)

Ở nam ngạn sông Côn có những núi Ông Bình, núi Ông Nhạc, v...v... Vì vậy mới có tên Nhạc, Bình. Bình là tên chữ Nguyễn Huệ (Nguyễn Quang Bình). Sông Côn thuộc địa phận Bình Khê (tức huyện Tây Sơn) tỉnh Bình Định.

(B.H & S.T. - Địa chí Bình Định)

Đất lè quê thói Sinh đẻ

Đàn bà có thai phải kiêng:

Kiêng ăn cua để tránh sinh ngang.

(hoặc đi hay bò ngang như cua).

(Người Việt đất Việt – Toan Ánh)

Dạ quang bôi

Câu cửa bài thơ Đường "Lương Chân Từ" là:

Bồ đào mỹ tửu dạ quang bôi.

Dịch giả ta đều dịch dạ quang bôi ra là "chén ngọc" kể cả ông Ngô Tất Tố, cũng dịch là:

Rượu bồ, chén ngọc sáng choang.

Tôi hơi ngạc nhiên, vì hồi còn là học trò trung học, tôi học về địa chất, và không thấy ở đâu có nói đến loại ngọc nào mà dạ quang (sáng ban đêm) hết. Tôi đọc những gì mà người Tàu viết về các thứ ngọc. Nhưng chẳng thấy ngọc "sáng ban đêm" ở đâu cả.

Đến khi tôi học tới Kinh Thi, thì tôi thấy có thơ cổ nói về loại chén rượu chế tạo bằng sừng con tê ngưu. Sách chưa nghĩ rằng hồi cổ thời, người Tàu khoét sừng con tê ngưu để làm chén uống rượu.

Sự thật là đây. Sừng con tê ngưu chứa đầy dầy chất lân. Và chính loại chén đó mới sáng ban đêm bởi chất lân, ở trong bóng tối sáng lên trước mắt ta.

Dược khoa Tàu đã giới từ thời cổ, và họ đã dùng chất lân để trị vài thứ bệnh, mà một là bệnh liệt dương. Ngày nay y học thái Tây cũng thường trị bệnh liệt dương bằng chất lân. Thế nên Tàu xưa mới dùng chén bằng sừng tê ngưu, mong chất lân của sừng tê thấm vào rượu, để họ uống mỗi hôm hầu được tráng dương. Chuyện chén rượu bằng sừng tê không phải là huyền thoại đâu.

Nhà chơi đồ cổ Vương Hồng Sển có cho tôi xem một cái chén như thế, nhưng bằng sứ chứ không phải là bằng sừng con tê ngưu. Đây là sứ trắng tinh không có vẽ hình màu, được gọi là sứ Bạch Định, chế tạo tại tỉnh Phúc Kiến dưới trào nhà Minh, nhại giống hệt sừng của con tê ngưu.

Dĩ nhiên là chén này đặt lên bàn không được vì sừng tê nhọn, người dùng chén phải cho chén một cái đế bằng gỗ nó mới đứng được.

Thế thì cái chén "sáng ban đêm" ấy không hề là "chén ngọc" bao giờ cả, mà là chén bằng sừng. Chứ Tàu rắc rối quá sức, họ viết một đàng mà hiểu một ngã, thì ta tự nhiên phải điên đầu về chữ nghĩa của họ, không có gì phải ngạc nhiên.

(Học lại chữ Tàu – Bình Nguyên Lộc)

Bao nả

Bao nả : bao nhiêu

(làm cho lảm được bao nả?)

(Tự điển tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

Viết và nói tiếng Việt

Giáo sư Cao Xuân Hạo là nhà ngữ học ở Hà Nội đã viết nhiều bài về tình trạng “viết và nói tiếng Việt”. Tiếng Việt và tiếng "Hán-Việt" bị sử dụng sai nghĩa, sai ngữ pháp như: *Răn đe hay ngăn đe?*

Về điểm này, cần phải giải thích một chút về từ nguyên: cặp từ mới chỉ xuất hiện vào giữa thập kỷ 1960 khi Mỹ đẩy mạnh cuộc chiến không quân tại miền Bắc. Giới quân sự Mỹ gọi hành động này là deterrence response, tức là đánh phủ đầu để cảnh cáo.

Cánh biên dịch chúng tôi bàn với nhau, tham khảo cả ý kiến của Giáo sư Đặng Chấn Liêu, một chuyên gia hàng đầu về tiếng Anh, và cuối cùng thống nhất dịch là phản ứng *ngăn đe* (hàm ý vừa ngăn chặn vừa đe dọa). Vậy là từ *ngăn đe* có trước, rồi sau đó người ta đọc chệch thành *răn đe* và viết rập theo như thế luôn.

Đời sống ngôn ngữ có những phát triển thật bất ngờ: Về sau, bất cứ khi nào tôi viết ngăn đe, người ta đều sửa thành “răn đe”! Tôi tò mò giờ *Đại từ điển tiếng Việt* của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Ngôn ngữ và Văn hoá Việt Nam ra tra. Hỡi ôi, trong đó chỉ có từ mục răn đe mà không có ngăn đe!

Help..!

Một cô bé bị một con chó dữ đuổi theo nên vừa chạy vừa kêu to: "Help...help...help..." Một ông lão ngồi trong nhà nhìn ra, rồi gật gù nói với bà lão ngồi kế bên: "bà coi con nhỏ điên kia kìa..... chó rượt mà cứ kêu là heo, heo, heo...?!?"

Tháp Chàm Bình Định

Cách đây hơn 1700 năm, vương quốc Champa được thành lập vào cuối thế kỷ thứ 2 CN nằm giữa các nước Ấn Độ, Java, Khmer và VN. Người Chàm qua lịch sử là những thương nhân, thủy thủ và chiến binh, và nghệ thuật và kiến trúc cổ Champa.

Người Chàm đã hấp thụ ảnh hưởng nghệ thuật từ Ấn Độ, Java, Khmer qua nghệ thuật Hindu (Ấn giáo) cổ. Về nền kiến trúc tôn giáo Hindu của Champa, nơi không có truyền thống sử dụng



Nhóm đền-tháp Dương Long,

viật liệu đá. Công nghệ xây dựng Champa nổi bật với việc sử dụng gạch, trong khi Khmer và Java thì nghiêng hẳn về sử dụng đá qua các ngôi đền Angkor Wat (ở Cambodia), hoặc Prambanam (ở Indonesia). Một ngôi đền đá đòi hỏi nguồn nhân lực để đục cắt và vận chuyển. Trong khi, một ngôi đền gạch với một số lượng nhân công khiêm tốn hơn, được tận dụng trong một thời hạn nhất thiết, có khả năng kiến tạo những ngôi đền có kích cỡ bề thế như nhóm tháp Dương Long (ở Bình Định), là một trong những ngôi đền Hindu bằng gạch cao nhất ở Đông Nam Á (42 mét).

Bình đồ trong kiến trúc Chàm thường bao gồm đơn thuần một hình vuông giản dị, trong khi những cấu trúc đá của Khmer và Java thường phức tạp hơn rất nhiều. Không gian kiến trúc Chàm, dựa trên nhiều khối vuông riêng rẽ, kết hợp đơn điệu, trong khi mô hình Khmer và Java kết hợp được phức thể của những dạng thức khác nhau. (Để kết những viên gạch lại với nhau, họ dùng nhựa cây gọi là *dầu rái*, được trồng thành rừng ở miền Trung.

Ngoại di tích những lò gạch, các nhà khảo cổ tìm được nhiều lò gốm Chàm xác định niên đại từ thế kỷ 13 đến 15 CN. Chúng có vẻ đẹp đơn sắc màu xanh nhạt và màu vàng nâu. Đó là các loại gốm thô làm theo kiểu không có bàn xoay).

(Trần Kỳ Phương - Giải mã nghệ thuật cổ Champa)

Dạy văn, mở lợn

Viết văn chẳng khó gì, na ná như mở lợn, thao tác chính là lọc phần thịt, để trơ ra phần cốt - cái nội dung xã hội của tác phẩm.

(Nguồn: Phạm Duy Nghĩa)

Chữ nghĩa làng văn

Cầm thử bất cứ một cuốn đặc san nào đó xuất bản ở hải ngoại mà xem. Khởi cần coi kỹ, chỉ cần đọc tựa của mấy bài viết không thôi là cũng đủ thấy ngậm ngùi, xót dạ và buồn rầu quá cỡ:

Quê xưa - chốn cũ, thầy xưa - trường cũ, chiến trường xưa - đồng đội cũ, người xưa - tình cũ, giòng sông xưa - con đò cũ, xóm làng xưa - bè bạn cũ... Và đó mới chỉ là những nỗi buồn hạng nhẹ, chỉ tầm tầm cỡ thường dân - những kẻ mà tâm sự có thể giải bày trong những bài thơ nhỏ, hoặc vài ba trang tùy bút. Những nhân vật quan trọng thì họ viết nguyên cả một cuốn hồi ký đàng hoàng.

Cuốn nào cũng đều mang nặng cả "trời tâm sự". Đôi khi, tâm sự của người này lại đụng chạm đến tâm sự của người kia - nên sinh ra tùm lum xung đột, hiềm khích, oán thù, tranh chấp... rất ồn ào và (thường khi) rất không cần thiết! Đó là chưa kể đến những bài khảo cứu công phu về "chuyện xưa tích cũ" cùng với những giòng thơ văn hoài cổ... đầy nhóc trong sách báo xuất bản ở hải ngoại. Một đám người thua cuộc, nhà tan cửa nát, hót ha hót hải bỏ của chạy lấy người - thoát thân, rồi nằm buồn rầu thoi thóp ở một góc trời xa lạ - và cứ ngoái trông về cố lý mà thương nhớ mãi bến nước xưa, cây cầu cũ, hay cứ tiếc nuối hoài những ngày tháng an bình (hoặc vàng son) đã mất thì (tưởng) cũng là chuyện bình thường thôi chứ? Có gì lạ đâu mà kiếm chuyện (cà khịa) nãy giờ vậy, cha nội?

Ý Trời, đừng nói vậy chứ! Như vậy là gieo tiếng ác và mang tội chết (mẹ) à nha. Tui thiệt tình không (bao giờ) dám kiếm chuyện đâm hơi hay châm chọc gì ai. Nói tình ngay, chả qua vì sợ dĩ vãng của chúng ta quá nặng nề khiến mọi người hoá lè mè (khi xoay trở với hiện tại) và ái ngại khi nghĩ đến tương lai nên tôi thấy có hơi kỳ (và "bàn ra") chút đỉnh - vậy thôi.

(Tuởng Năng Tiến - Mùa xuân (chợt) nhớ chuyện mai sau)

Bậu

Bậu : nhân xưng ngôi thứ hai, anh chị em bạn bè (chị dâu em bậu đầu rồi nghề - bậu bạn cùng nhau nghĩa chớ vong – mấy đứa ngư tiều bậu bạn thân)

(Tự điển tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

Tiếng Việt vừa dễ vừa khó

Hỏi: Đàn gảy tai trâu là giống chi dzậy?

Đáp: Công Minh Nghi đàn cho trâu nghe khúc điệu "Thanh giác" cao nhã, con trâu vẫn thản nhiên cúi đầu gặm cỏ như trước. Không phải con trâu không nghe, mà vì khúc điệu đó không thích hợp cho nó nghe. Sau đó, Công Minh Nghi thay đổi cách đàn, mô phỏng tiếng muỗi, tiếng ruồi trâu, tiếng ghé con kêu tìm mẹ, lúc này con trâu lập tức ve vãn đuôi, vểnh tai, đi đi lại lại lắng nghe.

(Nguồn ĐatViet.com)

Địa danh miền Trung trong văn học sử

Hội An

Cuộc giao tranh Đàng Trong và Đàng Ngoài làm hai bên đều tổn hao rất nhiều nhân lực, tài lực. Để có thể dành được ưu thế trong cuộc chiến kéo dài nên các chúa Trịnh và chúa Nguyễn dùng các quan hệ ngoại giao và buôn bán với nước ngoài để mua vũ khí, súng đạn. Chính vì thế, trong thời gian này, có rất nhiều trung tâm giao thương phát triển như Thăng Long, Phố Hiến, Hội An.

Hội An ra đời vào khoảng thế kỷ XVI, phát triển mạnh vào thế kỷ XVII – XVIII. Vùng đất này có rất nhiều đặc điểm địa lý thích hợp cho việc phát triển một cảng biển. Trước tiên, Hội An nằm dọc hai bên bờ sông Thu Bồn, với các cửa sông thông ra biển sâu và rộng, thuận tiện cho các tàu bè ra vào buôn bán. Các nhà khảo cổ đã tìm thấy nhiều dấu vết khu di tích mộ chum, các hiện vật gốm. Trong tiến trình lịch sử của Hội An có nhiều giếng Chăm cổ hình vuông, hoặc trên tròn dưới vuông, đáy thường lót gỗ thanh.

Có thể nói thương nhân Nhật Bản là những người nước ngoài đầu tiên tới Hội An và đóng góp trong sự phát triển của đô thị này bên cạnh người Trung Hoa. Ngay từ *thế kỷ XVI*, chúa Nguyễn đã viết nhiều thư gửi triều đình các nước nhằm tăng cường mối quan hệ thân thiện. Từ năm 1558 đến năm 1635, các chúa Nguyễn và Tướng quân Tokugawa Ieyasu đã trao đổi với nhau trên ba mươi bức thư văn bản, bày tỏ sự hợp tác, giao hảo giữa hai bên. Theo nghiên cứu của Nhật Bản, từ năm 1604 đến 1634 có tới 86 thuyền buôn ngoại quốc đã đến Hội An. Năm 1651, theo thuyền trưởng tàu Hà Lan là Delft Haven, có khoảng 60 ngôi nhà với khoảng 300 người Nhật và người Hoa.

(Đặng Thị Hường - Mối quan hệ Việt-Nhật ở phố cổ Hội An)

Cù mộc, cây hòe

Truyện Kiều có câu

“Thừa gia chẳng nét nàng Vân - Một cây *cù mộc*, một sân *quế hòe*”.

- Cù mộc thì là cây si, thuộc loại cây to, tàn rậm, lá nhỏ, nhánh có nhiều rễ mọc lòng thòng xuống tới đất.
- Cây hòe tàn rậm to, ngọn tròn vỏ đen nâu sần sùi. Lá nhỏ như lá me, mọc đối nhau, trái cũng giống như trái me nhưng nhỏ và đẹp. Hoa vàng tươi nhỏ cỡ 1 cm, nở vào tháng tám dày đặc trên cành, mùi thơm nồng đượm ngọt ngào.

(Võ Kỳ Điền - Thảo mộc trong cổ văn Việt Nam)

Đất lè quê thói Sinh đẻ

Đàn bà có thai phải kiêng ăn thịt thỏ để tránh đứa trẻ bị sứt môi. (Vì con thỏ trông như môi sứt)
(Người Việt đất Việt – Toàn Ánh)